

THAM LUẬN TẠI HỘI NGHỊ

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá XI “*về một số vấn đề chính sách xã hội, giai đoạn 2012-2020*”

Chủ đề: “Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong thực hiện chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”

Thực hiện chính sách an sinh xã hội bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. Chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước luôn hướng đến mục tiêu vì con người và đặt con người vào trung tâm của quá trình phát triển. Thời gian qua, việc thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và huy động được sự tham gia tích cực, sâu rộng của các tầng lớp nhân dân.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “*về một số vấn đề chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2012-2020*” (viết tắt là Nghị quyết số 15-NQ/TW); tỉnh Lâm Đồng đã ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa các chương trình, chính sách an sinh xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; các chính sách được thực hiện thông qua nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Qua đó, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt, gia đình người có công hiện nay có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn; bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập và các lĩnh vực như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông được quan tâm thực hiện, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng, hạnh phúc của nhân dân.

1. Thành tựu đạt được

1.1. Về ưu đãi người có công với cách mạng: Từ năm 2012 đến nay, Chính phủ có 07 lần thay đổi mức chuẩn của các đối tượng chính sách phù hợp với từng thời kỳ, từ 1.110.000 đồng tăng lên 1.624.000 đồng, nhìn chung mức chuẩn của đối tượng người có công với cách mạng cao hơn các đối tượng thụ hưởng khác, do đó mức sống đã được cải thiện và nâng cao; người có công và thân nhân được hưởng nhiều chính sách ưu đãi như: Chế độ trợ cấp, phụ cấp hàng tháng; trợ cấp một lần; ưu đãi về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo, dạy nghề; cải thiện nhà ở; tạo việc làm; miễn, giảm thuế;... Tại Lâm Đồng, các chính sách trên được thực hiện khá tốt, bảo đảm kịp thời và đúng đối tượng; có hơn 8.900 người hưởng trợ cấp hàng tháng, với tổng kinh phí chi trả trên 17,8 tỷ đồng/tháng.

1.2. Về việc làm, thu nhập: Triển khai thực hiện nhiều giải pháp phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm, tập trung theo hướng đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực kinh tế; khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh, thu hút đầu tư;

đẩy mạnh các chương trình tạo việc làm, xuất khẩu lao động, hỗ trợ phát triển thông tin thị trường lao động; đạt mục tiêu tạo việc làm mới hằng năm từ 28.000 đến 30.000 lao động; trong đó, xuất khẩu lao động 600 người. Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 1,2%, trong đó ở thành thị dưới 2%.

1.3. Các chương trình tín dụng: Vốn tín dụng chính sách xã hội giúp giải quyết những vấn đề căn bản, thiết yếu cho người nghèo, đối tượng chính sách khác, nhất là khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm; từng bước nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh, quản lý vốn; mạnh dạn vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thông qua các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách xã hội tại các xã xây dựng nông thôn mới đã góp phần giúp 99 xã được công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh có 109/111 xã (98,2%) đạt nông thôn mới (*40 xã NTM nâng cao; 14 xã NTM kiểu mẫu*); có 07/12 huyện, thành phố đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

1.4. Về giảm nghèo: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả, đồng bộ; chú trọng ưu tiên đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng sâu, vùng xa góp phần thu hẹp khoảng cách về mức sống và thu nhập giữa các địa phương. Công tác giảm nghèo bền vững được thực hiện với quyết tâm chính trị và sự vào cuộc của cả hệ thống cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; việc tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; ưu tiên tập trung vào các xã, thôn nghèo; linh hoạt trong chính sách, tăng tính chủ động cho hộ nghèo, huy động nguồn lực để thực hiện, tạo chuyển biến tích cực ở đại bộ phận nhân dân nhất là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2020, giảm từ 6,67% năm 2016 xuống còn 1,32% vào cuối năm 2020. Đến nay, tỷ lệ nghèo đa chiều giảm 1,51%, trong đó vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm 4,66%.

1.5. Về bảo hiểm xã hội: Các cấp ủy đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả chính sách về bảo hiểm xã hội; nguồn lực làm công tác bảo hiểm xã hội được củng cố, kiên toàn, hoạt động hiệu quả, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện tốt công tác quản lý thu, chi, cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin chuyển biến rõ nét. Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng nhanh, đặc biệt là số người tham gia tự nguyện; quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội được đảm bảo tốt hơn, từ đó đã góp phần đảm bảo tốt an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

1.6. Về giáo dục tối thiểu: Đến hết năm 2020, trẻ em tiểu học đi học đúng độ tuổi đạt 100%, trung học cơ sở đạt 98,53%; từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 98,5%.

Chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn đã từng bước gắn với nhu cầu và nâng cao hiệu quả sản xuất của nông dân; xây dựng các mô hình kinh tế hộ gia đình, hình thành nhóm nghề nông nghiệp, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, nhiều hộ gia đình bước đầu đã thành công trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; lao động học nghề phi nông nghiệp có việc làm phù hợp với nghề đã học đạt trên 70%, trong đó có 50% người đồng bào dân tộc thiểu số; việc đổi mới đào tạo nghề cho lao động nông thôn tạo được bước đột phá về chất lượng nguồn nhân lực khu vực nông thôn, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề.

1.7. Về đảm bảo y tế tối thiểu: Nhìn chung, hệ thống y tế công lập và hệ thống cơ sở khám chữa bệnh tư nhân được củng cố, phát triển và giữ vai trò chủ đạo trong việc cung ứng các dịch vụ y tế, được tổ chức đến tận cấp xã, cung cấp các dịch vụ y tế dự phòng và khám chữa bệnh, đáp ứng cơ bản nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Hạn chế

- Nguồn vốn ngân sách chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo còn hạn chế trong đầu tư cơ sở hạ tầng, duy tu bảo dưỡng công trình, hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo; việc huy động nguồn lực xã hội từ các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp còn gặp khó khăn. Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo còn mang tính chia đều, chưa khuyến khích người nghèo đối ứng, chưa hỗ trợ theo nguyên nhân nghèo và khả năng từng hộ; việc lấy ý kiến người dân trong triển khai các dự án hỗ trợ sản xuất chưa được coi trọng nên hiệu quả hỗ trợ chưa cao.

- Một số chính sách bảo trợ xã hội còn vướng mắc, chông chéo như: Chính sách đối với người khuyết tật, người cao tuổi đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hưởng bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội khác,...; một số chính sách trợ giúp xã hội còn dàn trải, hiệu quả chưa cao; mức độ bao phủ chính sách còn thấp, chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu của đối tượng được thụ hưởng; công tác xã hội hóa chính sách bảo trợ xã hội còn gặp khó khăn.

- Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội chưa đạt mục tiêu Nghị quyết số 15-NQ/TW, còn thấp so với lực lượng lao động trong độ tuổi và thấp hơn tỷ lệ đạt bình quân của cả nước (năm 2020 tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 9,64%). Lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện từ năm 2019 đến nay tăng nhanh nhưng chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội (năm 2020 chiếm 13,76%; năm 2021 chiếm 16,45%).

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Kinh tế của tỉnh có xuất phát điểm thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; tình trạng dân di cư tự do diễn ra tương đối phức tạp,

nguy cơ mất ổn định an ninh, trật tự địa phương.

Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống rải rác, trình độ dân trí thấp, không đồng đều; hạ tầng thiết yếu chưa đồng bộ, điều kiện đời sống, sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn khó khăn; một số người dân còn ỷ lại, trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa quyết tâm vươn lên thoát nghèo.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức sâu sắc, đầy đủ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Nghị quyết số 15-NQ/TW và công tác đảm bảo an sinh xã hội; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, thực hiện Nghị quyết; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi còn hạn chế, chưa thể hiện vai trò, chức năng trong việc vận động các đoàn viên, hội viên thực hiện chính sách xã hội; nội dung, phương pháp, kỹ năng và hình thức truyền thông chưa phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng địa bàn.

Vai trò chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc của một số địa phương chưa quyết liệt, chưa thường xuyên, liên tục; năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện ở cấp trực tiếp thực hiện chính sách còn hạn chế. Một số sở, ngành chưa phát huy hết trách nhiệm, chưa chủ động hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện ở các địa phương, cơ sở nên một số khó khăn, vướng mắc chưa được giải quyết, tháo gỡ kịp thời.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, cấp ủy, chính quyền các cấp cần nhận thức đầy đủ việc triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xem chính sách xã hội là mục tiêu, động lực để phát triển nhanh và bền vững trong mọi giai đoạn phát triển. Chính sách xã hội phải được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ, giai đoạn và thực tiễn của địa phương.

Hai là, đẩy mạnh huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội, nhất là các chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã, thôn khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Ba là, đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện chính sách xã hội phải được đào tạo, tập huấn thường xuyên, sát cơ sở, có phương pháp vận động quần chúng, vững kỹ năng nghiệp vụ, phát huy sức mạnh tham gia của cộng đồng, đặc biệt là của cán bộ thôn ở xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Bốn là, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách an sinh xã hội, kịp thời phát hiện các tồn tại, vướng mắc để có các giải pháp

điều chỉnh, bổ sung phù hợp.

Năm là, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện các chính sách xã hội. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng; sơ, tổng kết việc thực hiện; xây dựng chiến lược, quy hoạch phù hợp, có chương trình hành động cụ thể, khả thi và tổ chức thực hiện quyết liệt.

5. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

- **Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách xã hội:** Xây dựng, lồng ghép các nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về chính sách xã hội, tăng thời lượng phát sóng chương trình truyền hình, phát thanh bằng tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Biên soạn, phát hành tài liệu truyền thông với nội dung và hình thức phù hợp với mọi đối tượng, chú trọng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế; hướng dẫn truyền thông về chính sách xã hội. Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, biểu dương những tấm gương tiêu biểu, mô hình tốt, cách làm hay.

- **Phát triển hệ thống chính sách xã hội theo hướng toàn diện, bao trùm và bền vững:** rà soát những vướng mắc, hạn chế, bất cập, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi và phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường tham vấn và phát huy vai trò của người dân trong xây dựng và thực hiện pháp luật, chính sách xã hội.

Thực hiện tốt các chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, bảo đảm người có công được chăm sóc, ưu đãi toàn diện. Thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng; chú trọng khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, phù hợp, đa dạng, hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với khu vực nông nghiệp nông thôn, lao động phi chính thức, thay đổi nhận thức và thói quen của người dân tham gia bảo hiểm xã hội. Thực hiện chính sách về trợ giúp xã hội kịp thời, đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế và người bị rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- **Hoàn thiện hệ thống giáo dục đào tạo, phát triển thị trường lao động:** Thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ; chú trọng đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn với chuyển đổi nghề

nghiệp và quá trình cơ cấu lại nền kinh tế. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động; đẩy mạnh chuyển dịch lao động và thúc đẩy việc làm bền vững, chú trọng việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động nữ và các nhóm lao động đặc thù khác; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

- Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội: Tiếp tục phát triển mạng lưới trợ giúp xã hội, dịch vụ chăm sóc xã hội; nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay; phát triển đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp; phát huy vai trò của gia đình và cộng đồng; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; thực hiện có hiệu quả các chương trình nhà ở cho người nghèo, người có công, chú trọng xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp.

Tập trung đầu tư công trình nước sạch trọng điểm, đảm bảo an sinh xã hội; có cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, tạo động lực thu hút nguồn xã hội hoá trong đầu tư, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn về nguồn nước. Triển khai có hiệu quả chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, duy trì đảm bảo thông tin liên lạc và nâng cao chất lượng thông tin truyền thông khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hiện đại hóa hệ thống quản lý xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội: Đẩy mạnh phát triển hệ thống quản lý, các ứng dụng công nghệ và chuyên đổi số; thống nhất số hóa cơ sở dữ liệu; quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu và thông tin; thực hiện thanh toán các chế độ chính sách xã hội không dùng tiền mặt, các ứng dụng thanh toán điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu tập trung.

- Tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội: Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách xã hội với khả năng, điều kiện phát triển kinh tế, bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu cho người dân; ưu tiên trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội; tranh thủ vận động nguồn lực trong xây dựng và thực hiện chính sách xã hội. Động viên, khuyến khích các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách chủ động, tích cực vươn lên thoát nghèo và làm giàu.
